

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 285/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa:

- Ông **Phạm Quang T** - sinh năm 1980; Địa chỉ: K104 đường E, phường F, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Phạm Thị D** - sinh năm 1983; Địa chỉ: K263 đường C, phường D, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phạm Quang T và bà Phạm Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quang T và bà Phạm Thị D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung:

- Bà Phạm Thị D là người trực tiếp nuôi hai con chung tên Phạm Thụy Kim N - sinh ngày 19 tháng 9 năm 2008 và Phạm Minh Q - sinh ngày 22 tháng 10 năm 2011.

- Ông Phạm Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) (1.500.000đ/ 1 con/tháng), thời gian giao tiền cấp dưỡng

là vào ngày 10 hàng tháng kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông Phạm Quang T và bà Phạm Thị D xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Phạm Quang T và bà Phạm Thị D xác định không có nợ chung.

Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Phạm Quang T và bà Phạm Thị D chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 3735 ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ông T và bà D đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu;
- UBND phường F, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN

Phan Thị Huệ